

Bản án: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 8 - 2024

V/v ly hôn giữa bà Du và ông Thủy

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Kiềm.
- Ông Nguyễn Lâm Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bà Trần Thị D trình bày: Bà kết hôn với ông Vũ Văn T ngày 04/11/2000, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngày, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh khoảng năm 2016, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xô sát, cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kể từ tháng 10/2022 vợ chồng không còn quan

tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Vũ Thị N, sinh ngày 29/11/2001, Vũ Thị O, sinh ngày 01/6/2008, Vũ Yên N1, sinh ngày 8/5/2014, hiện tại cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi dưỡng. Cháu O và cháu N1 đang ở cùng vợ chồng, đều có nguyện vọng giao cho bà nuôi dưỡng, bà nhất trí, bà không yêu cầu ông T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Toà án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng. Bà làm công nhân mức thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con ăn học.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng bà không kê khai mà vợ chồng tự thoả thuận, vợ chồng không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2024 và các lời khai tiếp theo tại Toà án ông Vũ Văn T trình bày: Ông kết hôn với bà Trần Thị D ngày 04/11/2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày đăng ký kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau ngày, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo ông vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, bản thân ông vẫn quan tâm đến gia đình và vợ con, ông mong muốn bà D suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng, ông không nhất trí ly hôn, trong trường hợp bà D cương quyết ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Vũ Thị N, sinh ngày 29/11/2001, Vũ Thị O, sinh ngày 01/6/2008, Vũ Yên N1, sinh ngày 8/5/2014, hiện tại cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi dưỡng. Cháu O và cháu N1 đang ở cùng vợ chồng và đều có nguyện vọng được giao cho bà D nuôi dưỡng, bà D nhận nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, ông nhất trí, ông đề nghị Toà án không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng không kê khai, hai bên tự thoả thuận về tài sản, vợ chồng không liên quan vay nợ nên không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2024 cháu Vũ Thị O và cháu Vũ Yên N1 đều trình bày: Các cháu là con bố Vũ Văn T và mẹ Trần Thị D và biết bố mẹ đang giải

quyết ly hôn tại Tòa án, các cháu đều trình bày không mong muốn bố mẹ về đoàn tụ cùng nhau vì bố mẹ thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau. Bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nếu được ở với mẹ thì sẽ đảm bảo cho việc ăn học được tốt hơn.

Tại phiên tòa bà Trần Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông Vũ Văn T được ly hôn. Bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu O và cháu N1, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông Vũ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn bà Trần Thị D và bị đơn ông Vũ Văn T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao bà Trần Thị D nuôi dưỡng Vũ Thị O, sinh ngày 01/6/2008, Vũ Yến N1, sinh ngày 8/5/2014, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Vũ Văn T có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của ông T.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử cho bị đơn ông Vũ Văn T, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Trần Thị D, bị đơn ông Vũ Văn T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T kết hôn ngày 04/11/2000 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình ông T, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc hiện vợ chồng đã có ba con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh năm 2016, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ tháng 10/2022, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn. Ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, bản thân ông vẫn quan tâm đến gia đình và vợ con, ông mong muốn bà D suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng, ông không nhất trí ly hôn, trong trường hợp bà D cương quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị D1 và ông Vũ Văn T đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà D1 xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, xử cho bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T có 03 con chung là Vũ Thị N, sinh ngày 29/11/2001, Vũ Thị O, sinh ngày 01/6/2008, Vũ Yến N1, sinh ngày 8/5/2014, bà D nhận nuôi dưỡng cháu O và cháu N1, không yêu cầu ông T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, cháu O và cháu N1 đều có nguyện vọng được giao cho mẹ nuôi dưỡng. Ông T nhất trí về việc các con chung đều có nguyện vọng được giao cho mẹ nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung ông đồng ý.

Xét thấy con chung của bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T thì thấy, cháu Vũ Thị N đã trưởng thành do vậy không xem xét giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng, quản lý. Trong ý kiến trình bày cháu O và cháu N1 đều có nguyện vọng được giao cho bà D nuôi dưỡng, bà D cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, cần giao cho bà D nuôi dưỡng cháu O và cháu N1 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà D không yêu cầu ông T đóng góp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không kê khai, không yêu cầu giải quyết tài sản, vợ chồng không có liên quan vay nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản và công nợ.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Trần Thị D và ông Vũ Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng Vũ Thị O, sinh ngày 01/6/2008, Vũ Yến N1, sinh ngày 8/5/2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Vũ Văn T có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của ông T.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0006969 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã Lan Giới;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên